TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 518/2021/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đình Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà H và ông Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý , tỉnh N vào ngày 08/8/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, quyển số 02. Hôn nhân giữa bà và ông Q hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2012. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do

ông Q không có trách nhiệm với gia đình phụ bà H chăm sóc con chung, thường xuyên uống rượu, đánh bạc, đập phá đồ đạc trong nhà và trên thực tế vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà và ông Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Đình Q.

Về con chung: Qúa trình sống chung bà H và ông Q có 03 con chung tên Hoàng Minh N, sinh ngày 07/01/2015; Hoàng Tường V, sinh ngày 09/5/2011 và Hoàng Như Q, sinh ngày 22/5/2008. Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung và không yêu cầu ông Hoàng Đình Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản sao có chứng thực căn cước công dân mang tên Đặng Thị H; sổ hộ khẩu do ông Hoàng Đình Q đứng tên chủ hộ; sổ tạm trú do ông Cao Xuân T đứng tên chủ hộ; 03 bản sao giấy khai sinh của cháu Hoàng Minh N; Hoàng Tường V và cháu Hoàng Như Q; bản chính giấy chứng nhận kết hôn giữa bà H và ông Q.

Đối với bị đơn ông Hoàng Đình Q. Ông Hoàng Đình Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông Q không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ tạm trú tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà Cao Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hoàng Đình Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Cao Thị H và bị đơn ông Hoàng Đình Q trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 96, quyển số 02 ngày 08/8/2007. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định từ năm 2012 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông Q không có trách nhiệm với gia đình phụ bà H chăm sóc con chung, thường xuyên uống rượu, đánh bạc và đập phá đồ đạc trong nhà và trên thực tế vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau. Hiện tại, bà H xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Q. Bị đơn ông Hoàng Đình Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện ông Q không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng đã ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn

quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Mặt khác tại Biên bản xác minh ngày 06/01/2022 tại địa phương nơi bà H và ông Q sống chung cho biết hiện tại bà H sinh sống tại địa chỉ khu phố 3, phường T, thị xã B còn ông Q đi đi về về chứ không liên tục sinh sống tại địa chỉ nói trên cùng bà H và con chung, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đại diện chính quyền địa phương không nắm rõ vì bà H và ông Q không báo cho chính quyền địa phương biết. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên 03 con chung tên Hoàng Minh N, sinh ngày 07/01/2015; Hoàng Tường V, sinh ngày 09/5/2011 và Hoàng Như Q, sinh ngày 22/5/2008. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. Xét thấy tại các Bản tự khai của các cháu Hoàng Minh N; Hoàng Tường V và Hoàng Như Q, nguyện vọng của các cháu muốn được sống chung với bà Cao Thị H, trong các bản tự khai các cháu trình bày ông Q thường xuyên uống rượu, đánh đập bà H nên các cháu rất sợ ông Q, nguyện vọng của cháu N, V và Q là mong muốn được sống cùng với mẹ là bà H. Mặt khác bà H cũng là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh N; Hoàng Tường V và Hoàng Như Q từ nhỏ. Do đó, việc giao cháu Hoàng Minh N; Hoàng Tường V và Hoàng Như Q cho bà Cao Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn bà Đặng Thị H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn ông Hoàng Đình Q.

- Về hôn nhân: Bà Cao Thị H được ly hôn với ông Hoàng Đình Q.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh N cấp ngày 08/8/2007 cho ông Hoàng Đình Q và bà Cao Thị H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Hoàng Minh N, sinh ngày 07/01/2015; Hoàng Tường V, sinh ngày 09/5/2011 và Hoàng Như Q, sinh ngày 22/5/2008 cho bà Cao Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Hoàng Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng Đình Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Q thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/004507 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hoa